TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 242/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

***Thư ký phiên họp*:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Mai Thị Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 362/2025/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 207/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm B, xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm G, xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2.2. Công ty Cổ phần G; địa chỉ: Số H Đại Lộ Đ, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường T, khu T, Khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lưu Thị T trình bày:

Từ tháng 05/1010 đến tháng 01/2011 bà làm việc tại Công ty TNHH G và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7410145179.

Nay bà Lưu Thị T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng.

Lý do bị trùng: Bà Lưu Thị T1 (sử dụng thông tin cá nhân của bà Lưu Thị T) giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010. Cùng gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G.

Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 tương đương với thời gian bà Lưu Thị Tiến M hồ sơ lao động của bà T.

Nhiều lần, bà T liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An nhờ hướng dẫn thì Cán bộ yêu cầu bà T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Lưu Thị T1 và Công ty Cổ phần G theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của bộ L và hã hội.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lưu Thị T và Công ty Cổ phần G vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Tiến trình B:

Bà là em của bà Lưu Thị T. Từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 bà đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để đi xin việc làm tại Công ty Cổ phần G.

Nay bà Lưu Thị T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng.

Lý do bị trùng: Do bà (sử dụng thông tin cá nhân của bà Lưu Thị T) giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010. Cùng gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G.

Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 tương đương với thời gian bà mượn hồ sơ lao động của bà T.

Nay bà T yêu cầu giải quyết như sau: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lưu Thị T và Công ty Cổ phần G vô hiệu thì bà đồng ý. Bà không yêu cầu độc lập trong vụ án và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng bị vô hiệu.

- *Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày*:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần G cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lưu Thị T, sinh năm 1985, số CMND 186822955; số CCCD 040185040665, với mã số BHXH 7410115424 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010.

Căn cứ quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đề nghị Tòa án tuyên buộc theo quy định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc đóng - hưởng của người lao động và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia BHXH. Bảo hiểm xã hội cơ sở D đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng Công ty Cổ phần G không chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lưu Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lưu Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T1 và Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng Công ty Cổ phần G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010, người lao động tên Lưu Thị T1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G và được Công ty Cổ phần G, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410115424. Tuy nhiên, bà T1 và bà T đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ 04/2010 đến tháng 06/2010 là bà Lưu Thị T1 (do bà T cho bà T1 mượn hồ sơ xin việc).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T1, bà T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010, bà T đang làm việc tại Công ty TNHH G, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7410145179. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G trong khoảng thời gian từ 04/2010 đến tháng 06/2010 là bà Lưu Thị T1, không phải là bà Lưu Thị T.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà T1 mượn hồ sơ cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410115424 từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 tại Công ty Cổ phần G là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lưu Thị T với Công ty Cổ phần G theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410115424 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu:*"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà T1 về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần G trong giai đoạn từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 là bà Lưu Thị T1, không phải là bà Lưu Thị T. Bà T và bà T1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410115424.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lưu Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lưu Thị T với Công ty Cổ phần G (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410115424) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410115424 không phải là bà Lưu Thị T, sinh năm 1985, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040185040665. Bà Lưu Thị T và bà Lưu Thị T1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410115424.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0025655 ngày 13/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Bạch Tuyết